

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Ông Đỗ Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 336/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 8, khu phố 2, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Quang L, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 8, khu phố 2, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Lê Quang L kết hôn với nhau từ năm 1999, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chư Kô, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L thường xuyên uống rượu, hành hung bà H, bất đồng quan điểm sống. Tất cả chi phí sinh hoạt trong gia đình và chi phí học hành cho các con đều do bà H tự trang trải, không cùng với bà H chăm sóc các con và phụ bà H lo chi phí sinh hoạt gia đình, chi phí học hành của các con. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin được ly hôn với ông Lê Quang L.

Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung là cháu Lê Hoàng C, sinh ngày 31/5/2016 và cháu Lê Thị A, sinh ngày 14/01/1999. Hiện tại hai cháu và Anh đang chung sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H xin được trực tiếp nuôi cháu. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu. Riêng cháu Lê Thị A, sinh ngày 14/01/1999 trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Lê Quang L trình bày:

Ông Lê Quang L thống nhất với lời trình bày của bà Hà về thời điểm đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung

Về hôn nhân: Ông L và bà H bắt đầu chung sống từ năm 1998, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại ủy ban nhân dân xã Chư Kbô, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2000 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông L đi làm công nhân, bà H thì làm công việc môi giới bất động sản đồng thời buôn bán các mặt hàng thủy sản để trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình và chi phí học hành cho các con. Vợ chồng không có thời gian gần gũi chăm sóc gia đình. Vợ chồng đã ly thân khoảng 04 tháng nay. Ông L và bà H đã ngồi lại để giải quyết các mâu thuẫn giữa hai vợ chồng rất nhiều lần nhưng vẫn không hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Thu nhập lương hàng tháng của ông L dùng để tích lũy để sau này lo đám cưới cho các con nên không có đưa thu nhập lương cho vợ. Năm 2020 H đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Sau đó bà H đã rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên cho đến nay vẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm sóc cho các con. Ông L đã từng kết hôn nhưng đã ly hôn trước khi kết hôn với bà H. Hiện ông L và bà H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020. Ông L bà H không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Dù tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nhưng ông L không đồng ý ly hôn với bà H, ông L không muốn các con bị ảnh hưởng tâm lý. Ông L có đưa ra đề nghị với bà H là hiện tại vợ chồng không còn tình cảm nữa thì cứ sống chung nhà, mỗi người ngủ

một phòng, không ai chạm đến không gian riêng của ai nhưng cả hai sẽ cùng nhau chăm sóc các con nhưng bà H không đồng ý.

Quá trình chung sống ông L và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà H làm công việc bán các mặt hàng hải sản và ông L có lời qua tiếng lại với khách hàng, nhưng lý do lời qua tiếng lại với khách là do khách không mang khẩu trang.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Hoàng C, sinh ngày 31/5/2016 và cháu Lê Thị A, sinh ngày 14/01/1999. Hiện tại cháu đang chung sống với bà H. Trường hợp ly hôn thì ông L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu. Nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, Tòa án giao cháu cho bà H trực tiếp nuôi thì ông L đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cháu Lê Thị A, sinh ngày 14/01/1999 trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án. Bà H và ông L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ và các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của đương sự cung cấp Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát có ý kiến như sau: Ngày 01/11/1999, bà Lê Thị H và ông Lê Quang L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chư Kô, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống bà H và ông L có 02 con chung gồm cháu Lê Thị A, sinh ngày 14/01/1999 và cháu Lê Hoàng C, sinh ngày 31/5/2016. Từ năm 1999 đến 2000, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2000 đến nay, giữa bà H và ông L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông L thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, mọi sinh hoạt trong gia đình đều do bà H lo, ông L nhiều lần đánh đập bà H. Từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân, nhiều lần bà H muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L vẫn không thay đổi. Bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn với ông L. Do đó, căn cứ

quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông L.

Về con chung: Cháu Lê Hoàng C, sinh ngày 31/5/2016, hiện tại cháu đang ở với mẹ. Do đó để không làm thay đổi tâm sinh lý của cháu nên giao con cho bà H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H có đơn yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện bị đơn ông Lê Quang L về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Lê Quang L có địa chỉ cư trú tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Lê Quang L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị H và ông Lê Quang L kết hôn với nhau từ năm 1999, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chư Kbô, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 1999 đến năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L thường xuyên uống rượu đánh đập vợ con, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không cùng với bà H chăm sóc các con. Do đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin được ly hôn với ông Lê Quang L. Ông L không có trách nhiệm với vợ con. Ông L bà H không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn ông Lê Quang L không đồng ý ly hôn nhưng ông L cũng thừa nhận tình nghĩa vợ chồng không còn, vợ chồng ly thân hơn 4 tháng, vợ chồng hàn gắn nhưng không được nhưng ông không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng tâm lý các con.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Quang L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hoàng C, sinh ngày 31/5/2016 và cháu Lê Thị A, sinh ngày 14/01/1999. Xét cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ và hiện đang sinh sống ổn định với bà H Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao cháu Lê Hoàng C cho bà Lê Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Bà Lê Thị H hiện nay có công việc và thu nhập ổn định, trước giờ bà H vẫn là người chăm sóc lo lắng chi phí sinh hoạt gia đình và chi phí học hành của các con, bà H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, bà H cũng không yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng cháu Lê Thị A đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Lê Quang L về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Quang L.

Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng C, sinh ngày 31/5/2016 cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông Lê Quang L

cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0004251 ngày 01/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

